

CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở MIỀN TÂY NAM BỘ

TRẦN THỊ BÍCH HUỆ (*)
HÀ THỊ THÙY DƯƠNG (**)

Tóm tắt: Bài viết phân tích vai trò của việc thực hiện chính sách dân tộc với việc thực hiện nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam; gắn với kết quả thực hiện chính sách dân tộc ở miền Tây Nam Bộ thời gian qua và đề xuất các giải pháp để thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc ở khu vực này trong thời gian tới.

Từ khóa: Chính sách dân tộc; dân tộc thiểu số; Tây Nam Bộ.

Abstract: This paper analyzes the role of the ethnic policies in the implementation of the tasks of Vietnamese revolution, as well as the results of ethnic policy implementation in Southwestern region in the past and proposes the solutions to effectively implement ethnic policies in this region in the upcoming future.

Keywords: Ethnic policy; ethnic minorities; Southwestern region.

Ngày nhận bài: 03/9/2024 Ngày biên tập: 20/9/2024 Ngày duyệt đăng: 22/10/2024

1. Tầm quan trọng của việc thực hiện chính sách dân tộc

Chính sách dân tộc nhằm bảo vệ quyền lợi cũng như phát huy nguồn lực của đồng bào các dân tộc trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Việc thực hiện chính sách dân tộc nhằm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc là một bộ phận quan trọng đối với toàn thể Nhân dân, toàn thể dân tộc Việt Nam. Từ khi có Đảng lãnh đạo, đặc biệt là sau khi nước ta giành được độc lập, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng hoàn thiện chính sách dân tộc cũng như nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo để tạo ra những đổi thay tích cực trên thực tế. Việc thực hiện chính sách dân tộc có tầm quan trọng đặc biệt, xuất phát từ những lý do sau:

Thứ nhất, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Chính sách dân tộc nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo các quyền và lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc, qua đó góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước. Với tỉ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 14,7% dân số của cả nước, chúng ta càng cần phải thực hiện tốt chính sách dân tộc mới mang lại cuộc sống ấm

no, hạnh phúc cho đồng bào dân tộc, qua đó phát huy bản sắc văn hóa và thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thứ hai, phát huy vai trò, sức mạnh nguồn lực của Nhân dân trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

Để xây dựng và phát triển đất nước, cần phải động viên và phát huy mọi nguồn lực trong Nhân dân. Đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta chủ yếu sống ở vùng biên giới và miền núi, nơi có vị trí chiến lược quan trọng trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái. Khi đồng bào các dân tộc tin theo Đảng và Nhà nước thì có thể khai thác được tiềm năng của các vùng, miền này để phát triển đất nước cũng như huy động sự tham gia của đồng bào dân tộc vào việc bảo vệ Tổ quốc. Đồng bào dân tộc thiểu số có bản sắc văn hóa riêng, độc đáo không chỉ góp phần tạo nên nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng, khẳng định vị trí văn hóa Việt Nam trên bản đồ thế giới mà còn là một nguồn lực to lớn để phát triển đất nước.

Thứ ba, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của đất nước.

Khi đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn, các thế lực thù địch luôn lợi dụng cơ hội này để gây chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước với các dân tộc thiểu số. Họ tuyên truyền xuyên

(*) TS; Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

(**) TS; Học viện Chính trị khu vực IV

tạc đường lối của Đảng và Nhà nước, thậm chí gieo rắc vào nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số rằng có sự phân biệt đối xử, để từ chỗ không tin, dần dần chúng lôi kéo đồng bào dân tộc thiểu số trở thành lực lượng chống đối Đảng và Nhà nước từ bên trong. Vì vậy, các cấp, các ngành cần phải nhận thức rõ vấn đề dân tộc và miền núi là rất quan trọng, không thể để cho đồng bào sống cực khổ mãi như thế được. Dịch vẫn tìm cách len lỏi vào đó để phá ta. Về xã hội, kinh tế, chính trị, quân sự, miền núi rất quan trọng. Các ngành phải chú trọng tiến hành công tác ở miền núi⁽¹⁾. Do đó, cần phải nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số để vừa tăng cường sự gắn kết, tin tưởng của đồng bào với Đảng, với chế độ vừa chống âm mưu lợi dụng gây chia rẽ của các thế lực thù địch. Muốn vậy, phải thực hiện tốt chính sách dân tộc.

2. Thực trạng thực hiện chính sách dân tộc ở miền Tây Nam Bộ

Tây Nam Bộ là địa bàn đa dân tộc, đa tôn giáo với 44 dân tộc cùng sinh sống, trong đó ngoài dân tộc Kinh còn có các dân tộc thiểu số cùng sinh sống là Khmer, Hoa, Chăm, “số người dân tộc thiểu số ở đồng bằng sông Cửu Long năm 2019 là 1.310.007”⁽²⁾ trên tổng số 17.300.000 người của khu vực. Đồng bào dân tộc thiểu số ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu sống ở nông thôn với 990.643 người (chiếm 75,6 %) và ở thành thị là 319.364 người (chiếm 24,4%). Trong đó, người Khmer là dân tộc thiểu số đông nhất. Theo số liệu thống kê năm 2019: trên cả nước có 1.319.652 người Khmer thì riêng ở Đồng bằng sông Cửu Long, người Khmer chiếm tới 1.141.241 người (chiếm 86,5%); người Hoa là 149.449 trên tổng số 749.466 người trên toàn quốc; dân tộc Chăm là 13.170 người.

Trong những năm qua, miền Tây Nam Bộ đã thực hiện tốt chính sách dân tộc và thu được nhiều kết quả khả quan, cụ thể “đã xây dựng 90 nghìn nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất, đất ở cho 30.025 hộ; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm cho 18.609 lao động và 5.139 hộ”⁽³⁾. Tỷ lệ hộ được hỗ trợ tiền/vật chất ở các xã vùng dân tộc thiểu số theo vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố ở khu vực Tây Nam Bộ là 37,9%, cao hơn mức chung của cả nước là 36,8%⁽⁴⁾. Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2019



Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Đỗ Văn Chiến thăm, chúc tết và tặng quà nhân dịp Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây của đồng bào dân tộc Khmer tại chùa Monivongsa Bopharam, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau_Nguồn: doanh nghiệptiepthi.vn

theo vùng kinh tế - xã hội và dân tộc “thời điểm ngày 01/10/2019: người Hoa là 7,9% và người Khmer là 20,1% ở khu vực Tây Nam Bộ”⁽⁵⁾.

Đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Nam Bộ đều có bản sắc văn hóa riêng độc đáo. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào dân tộc thiểu số bảo tồn văn hóa truyền thống, như hỗ trợ tiền xây nhà hỏa táng, tháp cốt. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng hỗ trợ đồng bào điều tra, thu thập thông tin về những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số để phục vụ cho công tác bảo tồn cũng như đánh giá, xếp loại các cấp, đặc biệt là cấp quốc gia và lập hồ sơ trình Liên hợp quốc công nhận là di sản văn hóa phi vật thể.

Đặc biệt, trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, chính quyền các cấp tổ chức nhiều buổi tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về lịch sử cũng như ý thức trách nhiệm công dân của đồng bào dân tộc thiểu số với đất nước, huy động sự tham gia của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng biên giới vào việc bảo vệ Tổ quốc. Các cấp chính quyền cũng triển khai nhiều chính sách để giúp đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, pháp luật... Các cấp ủy đảng và chính quyền cũng quan tâm quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng nhiều cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị của vùng. Theo

thống kê từ Vụ Địa phương III của Ủy ban Dân tộc, trên địa bàn 09 tỉnh (An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ) có gần 24.600 đảng viên người dân tộc thiểu số, 17.500 cán bộ người dân tộc thiểu số. Hiện nay có 20 cán bộ, đảng viên người dân tộc thiểu số tham gia ban chấp hành tỉnh ủy, trong đó có 01 đảng viên dân tộc Khmer là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và 05 đồng chí tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁽⁶⁾. Thực hiện chính sách chung của cả nước, khu vực Tây Nam Bộ cũng quan tâm xây dựng đội ngũ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Tính đến cuối năm 2021, có khoảng 1.600 người là người dân tộc Khmer trong số 1.871 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng đồng bằng sông Cửu Long⁽⁷⁾. Đây là lực lượng quần chúng có vị trí, vai trò quan trọng, góp phần giúp các cơ quan trong hệ thống chính trị tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chính trị; đồng thời, người có uy tín là “kênh” quan trọng để nắm bắt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của người dân gửi tới Đảng, Nhà nước, là “cầu nối” gắn kết “ý Đảng với lòng dân”. Để củng cố hệ thống chính trị ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các cấp chính quyền không chỉ quan tâm xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh ở từng cơ quan, từng cấp mà còn tạo điều kiện và khuyến khích cán bộ, công chức học tiếng dân tộc thiểu số, đặc biệt là tiếng Khmer.

Với việc quan tâm tổ chức triển khai thực hiện chính sách dân tộc, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ từng bước được nâng lên. Tình trạng đói nghèo của các dân tộc thiểu số ở vùng Tây Nam Bộ giảm từ 36,3% năm 1998 xuống còn 12,6% năm 2010, giảm xuống còn 5,2% năm 2016, tỷ lệ nghèo đa chiều trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 8,6% năm 2016 xuống còn 5,8% năm 2018. Năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Đồng bằng Sông Cửu Long là 12,4%, thấp hơn so với cả nước là 22,2%⁽⁸⁾. Đối với người Khmer tỷ lệ hộ nghèo liên tục giảm và giữ ở mức thấp so với nhiều dân tộc thiểu số khác trên cả nước. Năm 2023, tỉnh Kiên Giang có 5.990 hộ nghèo, chiếm 1,28% (trong đó hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số 1.679 hộ, chiếm 2,40%); hộ cận nghèo là 10.438, chiếm 2,23% (trong đó hộ cận nghèo

thuộc dân tộc thiểu số là 2.548, chiếm 3,64%)⁽⁹⁾. Tỷ lệ hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số ở tỉnh Sóc Trăng năm 2023 giảm còn 3,58%, hộ cận nghèo thuộc dân tộc thiểu số còn 7,44%⁽¹⁰⁾.

Bên cạnh những kết quả quan trọng nêu trên, vẫn còn những hạn chế trong thực hiện chính sách dân tộc, trước hết là trình độ của đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn có khoảng cách chênh lệch khá lớn với các dân tộc khác. Ví dụ: ở tỉnh Hậu Giang, năm 2018 thu nhập bình quân đầu người đồng bào dân tộc Khmer là 15 triệu đồng/người/năm; năm 2023 là 30 triệu đồng/người/năm nhưng vẫn chỉ bằng 1/2 thu nhập bình quân đầu người/năm của tỉnh⁽¹¹⁾. Đời sống và trình độ của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng Tây Nam Bộ vẫn thấp hơn so với mức chung của 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Tỷ lệ người Khmer không có đất ở là 3,8%, của người Hoa là 2,5% và người Chăm là 5,1%, trong khi cả nước là 1,3%⁽¹²⁾. Mức độ thu hút đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng còn thấp, mặc dù là vùng sản xuất nông nghiệp lớn nhất cả nước nhưng tỷ lệ doanh nghiệp, cơ sở chế biến nông, lâm sản tại các xã vùng đồng bằng dân tộc thiểu số ở Đồng bằng sông Cửu Long chỉ cao hơn Đồng bằng sông Hồng với khoảng gần 3.000⁽¹³⁾. Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Nam Bộ cao hơn so với cả nước. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số có việc làm trên tổng số người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động thấp nhất cả nước 68,5, trong khi cả nước là 82,3%⁽¹⁴⁾.

Tây Nam Bộ là vùng trũng về giáo dục của cả nước, điều này vẫn chưa được cải thiện qua nhiều năm và thể hiện rõ nhất ở đồng bào dân tộc thiểu số tiêu biểu như dân tộc Khmer: không có trình độ chuyên môn kỹ thuật là 93%, trong khi cả nước là 89,7%; trình độ trung cấp của đồng bào Khmer là 1%, trong khi cả nước là 2,8%; trình độ cao đẳng là 0,9%, trong khi cả nước là 1,7%; trình độ đại học của đồng bào Khmer là 2,2%, trong khi cả nước là 3,3%⁽¹⁵⁾. Số năm đi học bình quân của người Khmer là 2,13 năm, của dân tộc Chăm là 2,75 năm, thấp hơn cả nước là 3,55⁽¹⁶⁾. Tỷ lệ người Khmer không đi học trong độ tuổi phổ thông cao hơn cả nước: cấp tiểu học là 3,9%, trong khi cả nước là 2,3%; trung học cơ sở là 24,8%, trong khi cả nước là 13,3%; trung học phổ thông là 61,6%, trong khi cả nước là 45,8%⁽¹⁷⁾.

3. Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc ở miền Tây Nam Bộ

Một là, nâng cao số lượng và chất lượng cán bộ thực hiện chính sách dân tộc.

Hiệu quả của việc thực hiện chính sách dân tộc phụ thuộc rất lớn vào chất lượng của đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách dân tộc. Nghị quyết Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng khẳng định cần “Chú trọng tính đặc thù của từng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc”⁽¹⁸⁾. Trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc phải chú ý đến tính đặc thù, bởi vì các dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Nam Bộ có những đặc điểm khác với các dân tộc thiểu số ở vùng khác, điều đó đòi hỏi cán bộ địa phương trực tiếp triển khai chính sách dân tộc phải có năng lực, phải hiểu dân, gần gũi với dân, tôn trọng suy nghĩ và tình cảm, văn hóa, phong tục tập quán của người dân. Đồng thời, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ vùng dân tộc thiểu số cả về số lượng và chất lượng, có phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực, trình độ chuyên môn tốt đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Đặc biệt, chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số tại các địa phương của vùng Tây Nam Bộ.

Hai là, tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc.

Thực hiện tốt công tác giám sát đảm bảo nguồn lực cho chính sách dân tộc được sử dụng đúng, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ trong toàn hệ thống chính trị cũng như đồng bào dân tộc đều phải nâng cao ý thức trách nhiệm và từ đó tự học hỏi nâng cao trình độ để tham gia giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc. Cần có cơ chế tạo điều kiện thuận lợi, xóa bỏ những rào cản để các chủ thể tham gia giám sát và phối hợp lẫn nhau trong quá trình giám sát việc thực hiện chính sách, đồng thời gắn liền với công tác đánh giá, khen thưởng và kỷ luật.

Ba là, phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan trong toàn hệ thống chính trị và xã hội tham gia vào việc thực hiện chính sách dân tộc.

Bản thân chính sách dân tộc có tính chất liên ngành, đòi hỏi sự tham gia của tất cả các cấp, các ngành để chăm lo toàn diện đời sống của đồng bào dân tộc. Để chính sách dân tộc thực sự đi vào cuộc sống, đòi hỏi phải có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan trong toàn hệ

thống chính trị. Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở khu vực Tây Nam Bộ luôn gắn liền với nhau nên các cơ quan phụ trách công tác dân tộc và tôn giáo, Ban Dân tộc và các Sở Nội vụ khu vực Tây Nam Bộ cần phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện chính sách. Do đó, cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, trong đó Ban Dân tộc, Phòng Dân tộc là đầu mối kết nối và tổ chức các lớp tập huấn về công tác dân tộc cho cán bộ ở các ban, ngành, đoàn thể; tổ chức sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm trong công tác phối hợp và đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc trong thời gian tới./

Ghi chú:

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.181.

(2), (4), (5), (8), (12), (13), (14), (15), (16), (17) Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê, *Kết quả điều tra thu thập thông tin về tình hình - phát triển kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb Thống kê, H. 2020, tr.55, tr.278, tr.276, tr.422, tr.424, tr.425, tr.255, tr.257, tr.357-358, tr.370.

(3) <https://baodantoc.vn/vung-dong-bao-dan-toc-khmer-va-nhung-chinh-sach-phat-trien-hieu-qua-1667458709393.htm>.

(6) <http://bualiemvang.org.vn/tac-pham-doat-giai/xay-dung-va-phat-trien-doi-ngu-can-bo-nguoi-dan-toc-thieu-so-o-tay-nam-bo-86>.

(7) <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/828853/vung-tay-nam-bo-qua-5-nam-thuc-hien-chi-thi-so-19-ct-tw%C2%A0cua-ban-bi-thu%E2%80%9Cve-tang-cuong-cong-tac-o-vung-dong-bao%C2%A0dan-toc-khmer-trong-tinh-hinh-moi%E2%80%9D.aspx>.

(9) <https://baodantoc.vn/kien-giang-ban-dan-toc-tinh-to-chuc-hoi-nghi-tong-ket-cong-tac-dan-toc-nam-2023-va-chuong-trinh-mtqg-1719-nam-2023-1705320426366.htm>.

(10) <https://bandantoc.soctrang.gov.vn/ban-dan-toc-tinh-soc-trang-to-chuc-hoi-nghi-tong-ket-cong-tac-dan-toc-nam-2023-trien-khai-nhiem->

(11) <http://danvan.vn/Home/Hau-Giang-Mien-dat-hoi-tu/17724/Hau-Giang-Ket-qua-thuc-hien-chinh-sach-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-o-vung-dong-bao-dan-toc-Khmer-giai-doan-2018-2023>.

(18) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.170.